

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+TD1+TD3	7:25	17+4+0	0+0+0		14+7+0	0+0+0	chuyen 1 pvd1- td1chuyen 2 pvd1-td3
2		RC3+VSP01+P8	7:25	4+12+6	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
3		PVD1+RC4+MRM	9:25	17+1+3	0+0+0		16+0+6	0+0+0	
4		VSP01+RP1+PVD1	11:25	6+0+10	0+0+0		2+6+14	0+0+0	

TTPDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/03/2023	TO: PVD1 - TD1 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỨc - HTNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐOÀN	PVD1	35-36	2	16	26	64	PVD INVE\$	Vietnamese
2	TRẦN DANH CUÔNG	PVD1	34	1	11		61	PVD INVE\$	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THÊU	PVD1	30	1	10		65	PVD INVE\$	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN TÀI	PVD1	04-05	2	16		55	PVD INVE\$	Vietnamese
5	PHAN THANH PHONG	PVD1	29	1	8		66	PVD DDD	Vietnamese
6	TRƯƠNG NAM THĂNG	PVD1	37-38	2	16		58	BAKERHUC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUNG QUÂN	PVD1	33	1	10		72	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIỀN	PVD1	32	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN SANG	PVD1	54-56	3	20		62	DVL	Vietnamese
10	PHAN ĐANG TUÂN	PVD1	31	1	12		60	DVL	Vietnamese
11	NGÔ SỸ THUẬN	PVD1	59	1	10		68	PVD DD	Vietnamese
12	NGÔ THANH ĐOÀN	PVD1	06	1	8		52	PVD DD	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC CANH	PVD1	02-03	2	12		76	PVDO	Vietnamese
14	LÊ VIỆT THỨC	PVD1	62	1	5		84	PVDO	Vietnamese
15	HỒ ĐẠI PHƯƠNG	PVD1	61	1	6		73	PVDO	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN TIỀN	PVD1	57-58	2	12		45	PVDO	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC HAI	PVD1	60	1	10		72	PVDO	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HAI	TD1	27	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	TD1	25-26	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD1	21-22	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ VĂN MINH	TD1	23-24	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	17	24	187	1.107	26	14+1		CHUYEN 1 PAX PVD1-TD1
2	TD1	4	7	70	241	0	7+2		CHUYEN 2 PAX TD1-TD3
3	TD3	0	0	0	0	0	0/1		
TOTAL		21	31	257	1.348	26	22		
WEIGHT KG				257	1.348	26			

GRAND TOAL: 1.631 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: RC3 - VSP01 - P8	CREW: VThắng - M.Đức - PTUẤN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG VĨNH PHÚ	RC3	59	1	5	40	75	ANTOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN DỤC	RC3	43-44	2	10		69	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TUNG	RC3	60	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
4	BUI VĂN DŨNG	RC3	47-48	2	19	15	68	XAYLAP	Vietnamese
5	GASUKHA VITALIA	VSP01					100	AY CII	Russian
6	ĐỖ DUY ĐỒNG	VSP01					70	AY CII	Vietnamese
7	LÊ TRƯỜNG SA	VSP01	94	1	5		70	KHAI THA	Vietnamese
8	BORVINXKY	VSP01	89	1	8		90	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	VSP01	95	1	18		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHÀN	VSP01	01,78	2	10		52	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG BA HÙNG	VSP01				35	72	PSV	Vietnamese
12	VŨ VĂN ĐIẾP	VSP01	88	1	5		67	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH QUÂN	VSP01	93	1	10		70	PSV	Vietnamese
14	HÀ THẾ BÌNH	VSP01	90	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	LÊ MẠNH HÙNG	VSP01	91	1	12		78	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT MINH HOANG	VSP01	92	1	6		72	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT TRUNG	P8	60-61	2	15		88	KHOAN	Vietnamese
18	HOÀNG NAM HAI	P8	62	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG DUÂN	P8	59	1	11		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TẤT LỘC	P8	56	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	58	1	6		60	PSV	Vietnamese
22	PHAN VĂN HỒNG	P8	57	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	4	6	41	282	55	0		
2	VSP01	12	10	78	876	35	9		
3	P8	6	7	51	420		13		
TOTAL		22	23	170	1.578	90	22		
WEIGHT KG				170	1.578	90			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:10
FLIGHT: 3	TO: PVD1 - RC4 - MRM	CREW: HUNG - Dương - Thành	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CHUNG	PVD1	64	1	5		65	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD1	38	1	6		80	PVDO	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	PVD1	39	1	4		75	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN CAO TUẤN	PVD1	65	1	6		55	PVDO	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU TRI	PVD1	36	1	6		70	PVDO	Vietnamese
6	PHẠM ANH SƠN	PVD1	37	1	7		82	PVDO	Vietnamese
7	LÊ VĂN GIÁP	PVD1	63	1	5		70	PVDO	Vietnamese
8	ĐẠM QUANG THANH	PVD1	32	1	5		74	PVDO	Vietnamese
9	NGUYỄN TẤT TÂM	PVD1	33-34	2	7		54	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC HUY	PVD1	74-75	2	15		55	PSV	Vietnamese
11	ĐÀO VĂN TIỀN	PVD1	30-31	2	10		60	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY TRƯỜNG	PVD1	35	1	5	120	57	PSV	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN THƯỜNG	PVD1	29	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	CHU VĂN TUỐC	PVD1	73	1	5		74	INTL.SOS	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	PVD1	66	1	8		70	OLES JSC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN BANG	PVD1	67	1	6		65	OLES JSC	Vietnamese
17	MAI VĂN LUONG	PVD1	65	1	10		50	OLES JSC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HIỆU	RC4	26-27	2	18		85	NIPI	Vietnamese
19	SALIKHOV ARTUR	MRM	71	1	8		88	VS-KHOA	Russian
20	LE MINH PHAT	MRM	69-70	2	16		57	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN CONG NGHIA	MRM	68	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	17	20	115	1.116	120	16		
2	RC4	1	2	18	85	0	0		
3	MRM	3	4	29	200	0	6		
TOTAL		21	26	162	1.401	120	22		
WEIGHT KG				162	1.401	120			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:00
FLIGHT: 4	TO: VSP01 - RP1 - PVD1	CREW: HUNG - Duong - Thành	ETA: 13:40
cam-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO KINH THAO	VSP01	78	1	12		70	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU ĐỨC	VSP01	76-77	2	18	10	76	T-TIN	Vietnamese
3	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	99	1	6		58	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU NGHỊ	VSP01	82	1	8		65	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TRUNG	VSP01	79-80	2	10		72	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÁT	VSP01	81	1	12		72	D-HANH	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN SAN	PVD1	82	1	6		68	OLES JSC	Vietnamese
8	PHAM HOAI THANH	PVD1	76	1	10		70	PVD TECH	Vietnamese
9	NGUYỄN TRONG HAI	PVD1	78-79	2	18		76	PVD TECH	Vietnamese
10	TRUONG VIET QUANG	PVD1	77	1	8		72	PVD TECH	Vietnamese
11	PHAM XUAN HONG	PVD1	80	1	7		70	PVD TECH	Vietnamese
12	LE SY NGUYEN	PVD1	81	1	12		65	PVD	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VIỆT	PVD1	85	1	8	33	78	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ MẠNH HÙNG	PVD1	83-84	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH DŨNG	PVD1	88-89	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN THANH HUNG	PVD1	86-87	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	6	8	66	413	10	2		
2	RP1	0	0	0	0	20	6		
3	PVD1	10	14	117	710	33	14		
TOTAL		16	22	183	1.123	63	22		
WEIGHT KG				183	1.123	63			

GRAND TOAL: 1.369 KGS

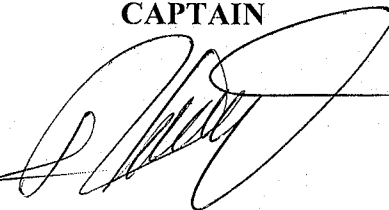
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK10+TTC1	7:25	22+0+0	0+0+0		18+3+0	0+0+0	chuyen 1 bk10-ttc1
2		BK16+GTCL+P5	7:25	9+11+0	0+0+0		5+5+12	0+0+0	chuyen 1 bk16-gtc1
3		PPD+RP2+RC3	7:25	14+7+1	0+0+0		7+13+0	0+0+0	chuyen 1 rp2-rc3
4		CL+RCDM+RP3	9:25	19+1+2	0+0+0		17+0+5	0+0+0	
5		AMD+P4	9:25	20+2	0+0		16+6	0+0	
6		CTK3+P11+BK15	9:25	21+1+0	0+0+0		16+1+5	0+0+0	
7		BK9+BK20+CTK3	11:25	0+6+14	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 bk9-bk20
8		CL+GTCL	11:25	19+0	0+0		18+4	0+0	
9		PPD+AMD	13:25	19+3	0+0		9+13	0+0	
10		BK6+PPD+P9	13:25	0+18+3	0+0+0		0+15+7	0+0+0	chuyen 1 bk6-ppd

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày GTCL-3ng



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: PPD - BK10 - TTC1	CREW: CHIẾN - N.ANH - MQUÂN -	ETA: 09:20
XANH-1		Tú	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DOÀN HƯƠNG	PPD	49-50	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ XUÂN LỢI	PPD	57	1	5		80	KHI	Vietnamese
3	MAI ĐỨC CUONG	PPD	60	1	7		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG HIỂN	PPD	46	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	PPD	56	1	7		75	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY KHANG	PPD	58	1	5		80	YTE	Vietnamese
7	VŨ CHÍ KIẾN	PPD	35	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN THẮNG	PPD	55	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	45	1	5	140	70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	61	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	34	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TUÔNG ANH CẠC	PPD	54	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TÂN	PPD	53	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH HAI	PPD	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU VIỆT DŨNG	PPD	51	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ HIỂN THANH	PPD	52	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	59	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	K LY	PPD	62	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MANH CUÔNG	PPD					80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	21	110	1.568	140	18		1 NB TANG VAN TU (CGTK), 50 KG HANG VE TU PPD
2	BK10	0	0	0	0	0	3 + 2		CHUYEN 01 PAX TU BK10 SANG TTC1
3	TTC1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	21	110	1.568	140	21		
WEIGHT KG				110	1.568	140			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT:	TO: BK16 - GTC1 - P5	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 09:30
VANG-I			

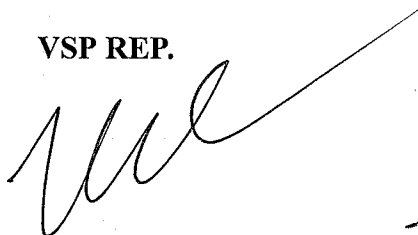
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯU VĂN SƠN	BK16	21	1	5	48	74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	28	1	5	30	77	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRƯỜNG AN	BK16	26-27	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HÀ	BK16	29	1	13		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC HÙNG	BK16	22	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC SƠN	BK16	23	1	11		85	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH TÙNG	BK16	25	1	13		78	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG ĐỨC PHONG	BK16	24	1	10		81	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN QUANG VINH	GTC1	56	1	3	20	68	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC ANH TUÂN	GTC1					74	D-HANH	Vietnamese
11	VŨ VĂN TIỀN	GTC1	55	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRI HẠO	GTC1	47	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	52	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG MINH	GTC1	51	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	48	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
16	LUYỆN VĂN THIỀU	GTC1	49-50	2	17		79	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC HIỆP	GTC1	03	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	GTC1	54	1	3		75	ANTOAN	Vietnamese
19	LÊ QUANG HÀ	GTC1	53	1	7		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	8	9	79	616	78	4		
2	GTC1	11	11	80	820	20	5		
3	P5	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		19	20	159	1.436	98	22		
WEIGHT KG				159	1.436	98			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2023	TO: PPD - RP2 - RC3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

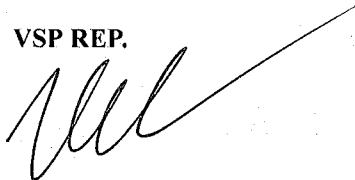
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH QUANG	PPD				50	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	81	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	99	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC SƠN	PPD	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	400	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG TRƯỜNG LÂM	PPD	73	1	4		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	74	1	7		72	KHI	Vietnamese
9	VŨ VĂN SƠN	PPD	80	1	9		58	KHI	Vietnamese
10	TRƯƠNG VĂN HUÂN	PPD	78	1	11		62	KHI	Vietnamese
11	HOÀNG MẠNH HÙNG	PPD	72	1	8		65	KHI	Vietnamese
12	VỊ ĐỨC TU	PPD	79	1	9		60	KHI	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC KHÁNH	PPD	77	1	12		58	KHI	Vietnamese
14	KIỆU VĂN DANH	PPD	75-76	2	13		61	KHI	Vietnamese
15	TRINH HỮU CÂN	RP2	31	1	16		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	RP2	35-36	2	12		55	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG HOÀN	RP2	33-34	2	20	16	85	DVL	Vietnamese
18	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	RP2	37-38	2	20		70	DVL	Vietnamese
19	PHẠM VĂN SANG	RP2	30	1	12		68	DVL	Vietnamese
20	PHAN VINH TRƯỜNG	RP2	39	1	10		68	DVL	Vietnamese
21	BUI HUY BĂNG	RP2	32	1	12		72	DVL	Vietnamese
22	LÊ HỮU CUÔNG	RC3	11-12	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

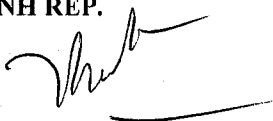
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	14	95	913	50	7		HANG TU PPD VE: 50KG CHUYEN 2 PAX RP2-RC3
2	RP2	7	10	102	493	16	12		
3	RC3	1	2	20	80	0	0		
TOTAL		22	26	217	1.486	66	19		
WEIGHT KG				217	1.486	66			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

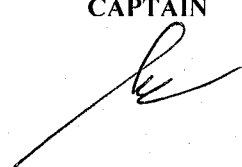
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: CLI - RCDM - RP3	CREW: CHIÊN - N.ANH - MQUÂN - Tú	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GASUKHA V.	CLI					95	D-HANH	Russian
2	ĐỖ DUY ĐỒNG	CLI	39	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	LÊ TRƯỜNG SA	CLI	86	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LINH	CLI	10-11	2	10		50	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU HÀ	CLI	15-16	2	12	30	75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯỜNG HIỀN	CLI	33	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
7	DOKUCHAEV V. L.	CLI	01	1	12		100	KH-THAC	Russian
8	KHAVANZHAN R. I.	CLI	42,45	2	12		80	KH-THAC	Russian
9	VŨ MINH TIỀN	CLI	05-06	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC DUNG	CLI	01,46	2	12		95	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HOÀ	CLI	07	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ANH VIỆT	CLI	04	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU DƯƠNG	CLI	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN DŨ	CLI	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHÁNH	CLI	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	09	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH TRỌNG KIM	CLI	34	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG NGÂN	CLI	02-03	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI PHÚC LINH	CLI	13	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HOANG LONG	RCDM	59-60	2	19		80	NIPI	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	10	1	5	20	56	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HAI HUNG	RP3	09	1	5		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	19	24	147	1.455	30	17		ANB N TANG VAN TU (CGTK)
2	RCDM	1	2	19	80	0	0		
3	RP3	2	2	10	146	20	5		
TOTAL		22	28	176	1.681	50	22		
WEIGHT KG				176	1.681	50			

GRAND TOAL: 1.907 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2023	TO: AMD - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Huy	ETA: 11:45
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN ANH QUAN	AMD	14	1	10		66	TLJOC	Vietnamese
2	HY TAC SANG	AMD	926-927	2	15		72	TLJOC	Vietnamese
3	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	21	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	11	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	22-23	2	7		61	KH-THAC	Vietnamese
6	TÀNG VĂN BA	AMD	15	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	17	1	15		90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	18	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG LÊ ANH DUNG	AMD	19	1	15		92	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THIN	AMD	28	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ HỒNG VU	AMD	16	1	10		62	TLJOC	Vietnamese
12	DINH TRONG KIEN	AMD	28-30	3	15		60	TLJOC	Vietnamese
13	TRAN HUU HOAI NGUYEN	AMD	31-33	3	15		68	TLJOC	Vietnamese
14	TRAN VAN CHINH	AMD	36-37	2	12		70	HLJOC	Vietnamese
15	PHAM THANH TRUNG	AMD	34-35	2	12		65	HLJOC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HUY	AMD	38-39	2	12		68	HLJOC	Vietnamese
17	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	12-13	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	24-25	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THANH NAM	AMD	26-27	2	12	10	63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TÂN VUÔNG	AMD	20	1	6		69	PSV	Vietnamese
21	ĐO VĂN THANH	P4	78	1	7	107	86	CODIEN	Vietnamese
22	TRAN ĐÌNH ĐIẾP	P4	75	1	5		77	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	32	229	1.397	10	16		
2	P4	2	2	12	163	107	6		
TOTAL		22	34	241	1.560	117	22		
WEIGHT KG				241	1.560	117			

GRAND TOAL: 1.918 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 16/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: CTK3 - P11 - BK15	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3				5	77	YTE	Vietnamese
2	HOANG NGOC BINH	CTK3	31	1	10	28	72	BASON	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH PHÚC	CTK3	15	1	9	20	47	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM MINH TUẤN	CTK3	07-08	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3	13	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	11	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	14	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH HAI	CTK3	37-38	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	02-04	3	11		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	18	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CHÍ CÔNG	CTK3	32-33	2	12		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	12	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
15	VÕ MẠU MÈN	CTK3	36	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	09	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	35	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	CTK3	16-17	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	52,19	2	16		55	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THANH HOẠT	CTK3	34	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐỨC TUẤN	P11	78-79	2	20	13	82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	26	157	1.504	53	16		1 NB VE TU CTK3 NGOI GHE PHU 1 DIEU PHAI: DANG THANH HOANG (NGOI GHE PHU)
2	P11	1	2	20	82	13	1		
3	BK15	0	0	0	0	10	5		
TOTAL		22	28	177	1.586	76	22		
WEIGHT KG				177	1.586	76			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: BK9 - BK20 - CTK3	CREW: VThắng - N.Cuong - QTrưởng	ETA: 14:00
XANH-3			

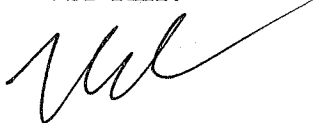
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG XUÂN HIẾU	BK20	38	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐIỂM	BK20	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NHÂN KHANH	BK20	42	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG QUỐC BẢO	BK20	40-41	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ BÀ NAM	BK20	34-35	2	16		82	ANTOAN	Vietnamese
6	LÊ DUY AN	BK20	36	1	10	17	119	ANTOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	01	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN BA	CTK3	500	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	07	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN HUY	CTK3	04	1	12		70	ANTOAN	Vietnamese
11	PHẠM THÀNH NGHĨA	CTK3	06	1	9		86	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH VƯƠNG	CTK3	12-13	2	15		102	ANTOAN	Vietnamese
13	LÊ ĐAM	CTK3	09-10	2	5		65	PSV	Vietnamese
14	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	08	1	5		69	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY HIẾU	CTK3	11	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	BUI ĐỨC CHÍNH	CTK3	14	1	5		64	PSV	Vietnamese
17	LÊ TUẤN VŨ	CTK3	03	1	9		100	PSV	Vietnamese
18	LÊ THANH TÙNG	CTK3	02	1	6		78	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN KHÁNH	CTK3	05	1	7		52	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN QUANG KHÁNH	CTK3	99	1	7		64	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

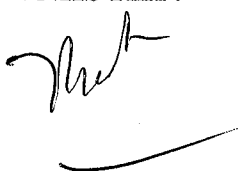
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	0	0	0	0	20	0+2		CHUYEN 2 PAX BK9-BK20
2	BK20	6	8	54	459	17	0		
3	CTK3	14	16	108	992	0	22		
TOTAL		20	24	162	1.451	37	22		
WEIGHT KG				162	1.451	37			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2023	TO: CTK3 - CLI - GTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Linh - MMinh - PTUẤN	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOAN VAN MIEN	CTK3	22	1	13	49	65	BASON	Vietnamese
2	BUI THO BAN	CTK3	23	1	6		82	BASON	Vietnamese
3	PHAM BA LAM	CTK3	21	1	8		57	BASON	Vietnamese
4	ĐO ĐÌNH VĂN	CLI					70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG QUỐC VIỆT	CLI	20	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	22	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HẢI HẬU	CLI	28	1	13		74	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VĂN NHÂN	CLI	29	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLI	17	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH LONG	CLI	26	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VĂN TUYẾN	CLI	27	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NHẬT HUNG CƯỜNG	CLI	31	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	CLI	30	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	CLI	24	1	8		96	KH-THAC	Vietnamese
15	LẠI TUẤN ANH	CLI	23	1	5		94	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRẦN GIANG NAM	CLI	39	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VÕ XUÂN	CLI	18	1	12		92	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CLI	32	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	LÊ CAO HẢI	CLI	28	1	6		62	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC ANH	CLI	21	1	7		77	PSV	Vietnamese
21	VŨ HỮU TRƯỞNG	CLI	25	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	CLI	19	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	3	3	27	204	49	0		
2	CLI	19	18	128	1.394	0	18		
3	GTC1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	21	155	1.598	49	22		
WEIGHT KG				155	1.598	49			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2023	TO: PPD - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - QTrưởng	ETA: 16:20
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU TÌNH	PPD	36	1	5		72	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT ANH HOANG	PPD	45	1	8		55	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU Y	PPD	40	1	7		62	KHI	Vietnamese
4	LÊ TUÂN TỰ	PPD	37	1	6		71	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THẮNG	PPD	44	1	8		58	KHI	Vietnamese
6	PHẠM DUY PHƯƠNG	PPD	41-43	3	20		51	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRI THỨC	PPD	39	1	6		60	KHI	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH KHANG	PPD	38	1	7		65	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TỰ	PPD	35	1	7		78	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LAM	PPD	22	1	10		95	ANTOAN	Vietnamese
11	PHAN QUY DUNG	PPD	34	1	13		61	XAYLAP	Vietnamese
12	TẠ VĂN CUÔNG	PPD	28-29	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
13	MAI VĂN QUYẾT	PPD	24	1	13		62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HAI HÙNG	PPD	26-27	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
15	MAI XUÂN TOÀN	PPD	23	1	13		56	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI TRUNG NHAN	PPD	25	1	8		48	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM VĂN ĐỊNH	PPD	30-31	2	19		78	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG VĂN BA	PPD	32-33	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI VĂN CHÍNH	PPD	21	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
20	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	43	1	5	16	74	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN TUAN	AMD	40-41	2	11	30	83	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỞNG	AMD	42	1	7		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

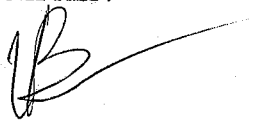
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	25	219	1.242	0	9		
2	AMD	3	4	23	228	46	13		
TOTAL		22	29	242	1.470	46	22		
WEIGHT KG				242	1.470	46			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

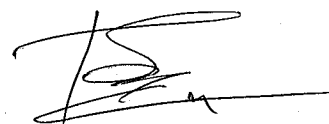
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT:	TO: BK6 - PPD - P9	CREW: Linh - MMinh - PTUẤN	ETA: 16:25
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NAM ĐỊNH	PPD	19-20	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ BA TUẤN	PPD	21-22	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TỎ	PPD	01,33	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU LONG	PPD	02-03	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
5	VƯƠNG HUY HOÀN	PPD	03,32	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC DANH	PPD	09	1	16		62	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TỰ	PPD	04	1	10	12	59	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ DINH HIEU	PPD	13	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	71	1	5		74	PSV	Vietnamese
10	LÊ TIẾN LỢI	PPD	15	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	PPD	12	1	9		50	PSV	Vietnamese
12	VŨ THÈ LIEN	PPD	14	1	6		69	PSV	Vietnamese
13	PHẠM VĂN GIANG	PPD	17	1	5		63	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH ĐÔNG	PPD	07-08	2	10		48	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH LAM	PPD	06	1	7		82	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	70	1	5		66	PSV	Vietnamese
17	BUI THANH TÙNG	PPD	16	1	6		68	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	PPD	10-11	2	10		67	PSV	Vietnamese
19	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	25	1	9		55	YTE	Vietnamese
20	VŨ VĂN PHÚC	P9	26	1	3		53	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	P9	23	1	15	15	70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	0	0	0	0	35	0+	1	CHUYEN 1 PAX BK6-PPD
2	PPD	18	25	198	1.173	12	15		
3	P9	3	3	27	178	15	7		
TOTAL		21	28	225	1.351	62	22		
WEIGHT KG				225	1.351	62			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN